

Ngày 28/06/2024	6,010 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.1%	-8.9%	-15.2%

	Q2/24	
ROE	6.1%	+/- YoY ▼ 4.0%

	Q2/24		
DT thuần	164	QoQ	YoY
		▲ 44.0 ▲ 36.8%	▲ 15.0 ▲ 10.1%
	tỷ VNĐ		

	6T 2024	
DT thuần	284	YoY
		▲ 3.00 ▲ 1.1%
	tỷ VNĐ	

	Q2/24		
LN gộp	57.2	QoQ	YoY
		▲ 26.4 ▲ 85.7%	▲ 7.30 ▲ 14.6%
	tỷ VNĐ		

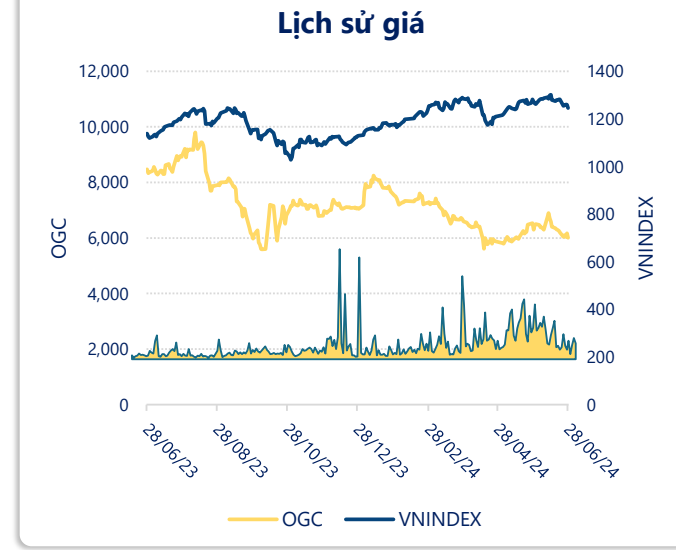
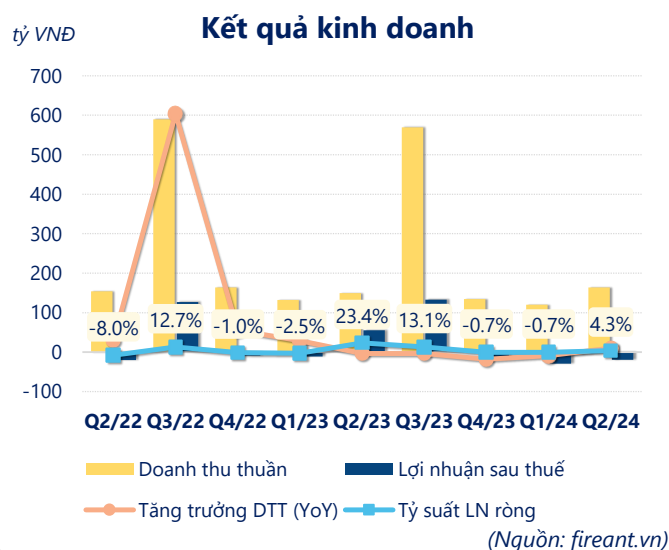
	6T 2024	
LN gộp	88.0	YoY
		▲ 0.40 ▲ 0.4%
	tỷ VNĐ	

	Q2/24		
LN thuần	-11.2	QoQ	YoY
		▲ 13.7 ▲ 55.2%	▼ 49.8 ▼ 129%
	tỷ VNĐ		

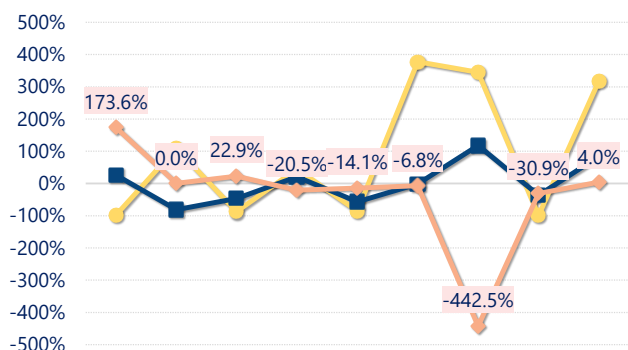
	6T 2024	
LN thuần	-36.1	YoY
		▼ 70.4 ▼ 205%
	tỷ VNĐ	

	Q2/24		
LN sau thuế	-19.2	QoQ	YoY
		▲ 10.4 ▲ 35.1%	▼ 74.7 ▼ 135%
	tỷ VNĐ		

	6T 2024	
LN sau thuế	-48.8	YoY
		▼ 92.9 ▼ 211%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

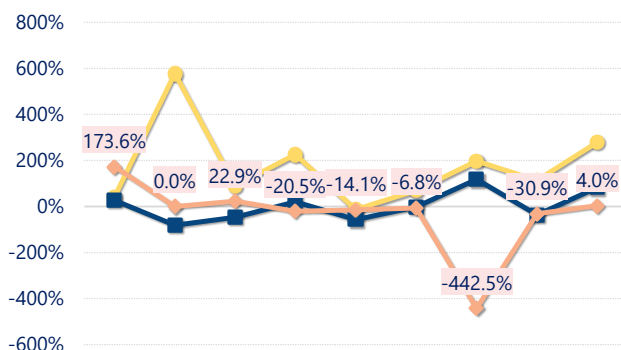


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

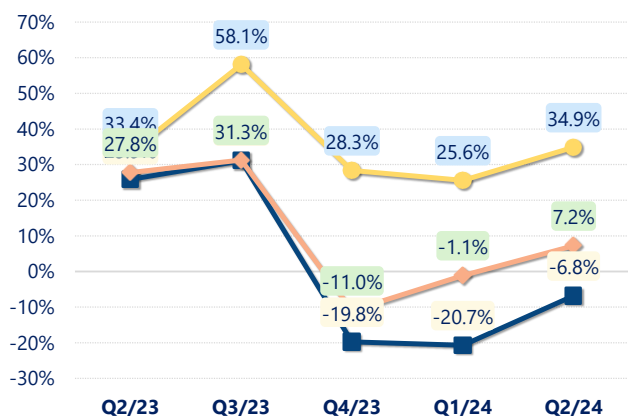


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

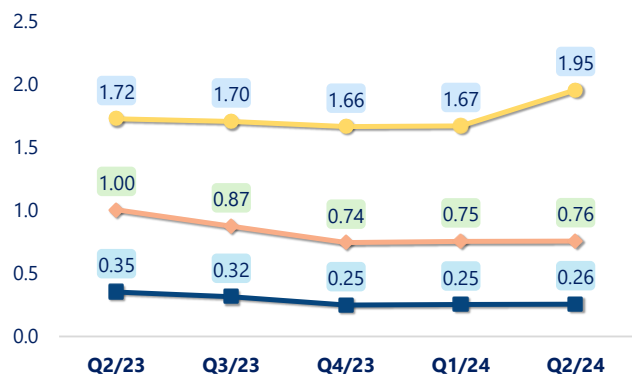


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

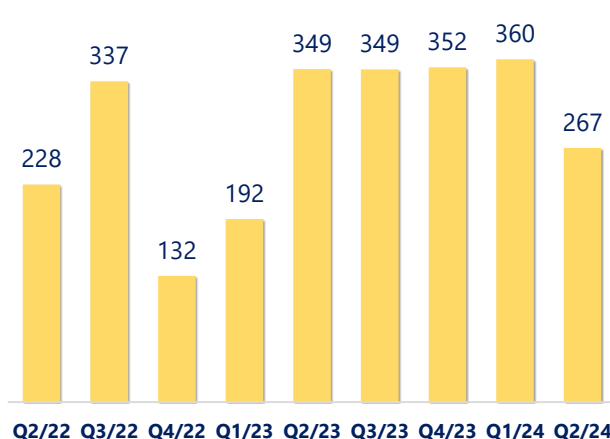


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	164	149	10.1%	284	281	1.1%
Giá vốn hàng bán	107	99.4	7.6%	196	194	1.5%
Lợi nhuận gộp	57.2	49.9	14.6%	88.0	87.6	0.4%
Doanh thu HĐTC	5.09	33.1	-84.6%	11.1	42.4	-73.8%
Chi phí TC	26.4	5.10	417%	52.0	8.83	489%
Chi phí lãi vay	25.8	4.55	468%	52.4	8.77	497%
LN trong công ty LKLD	7.84	2.07	279%	17.5	6.59	165%
Chi phí bán hàng	24.2	23.2	4.3%	46.0	43.5	5.7%
Chi phí QLDN	30.7	18.2	68.6%	54.6	50.0	9.3%
LN thuần từ HĐKD	-11.2	38.6	-129%	-36.1	34.3	-205%
Lợi nhuận khác	-2.82	-1.67	-68.9%	-5.77	-6.13	5.9%
LN trước thuế	-14.0	36.9	-138%	-41.8	28.2	-249%
Lợi nhuận sau thuế	-19.2	55.5	-135%	-48.8	44.1	-211%
LNST của CĐ cty mẹ	6.99	34.9	-80.0%	6.15	31.6	-80.5%

(Nguồn: fireant.vn)

